

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:113/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Nghĩa và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân - Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
bà Lê Thị Hưng- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 347/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1995; nơi cư trú: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên - có mặt

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn T, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên – có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Năm 2018 nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Trong quá trình chung sống tại khu phố P, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên, chúng tôi có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên đơn không còn sống chung từ tháng 06 năm 2021 đến nay. Nguyên đơn thấy tình hình tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, xin tòa án giải quyết thủ tục ly hôn giữa nguyên đơn với bị đơn.

+ Về con chung: không có.

- + Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.
- + Về nợ chung: không có, Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/8/2023 được tóm tắt như sau:

+ Về hôn nhân: Bị đơn thống nhất như trình bày của nguyên đơn về đăng ký kết hôn. Nhưng về mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là không có, vợ chồng không ở chung với nhau nhưng vợ vẫn đi lại về nhà phía chồng và xin tòa án cho chúng tôi đoàn tụ với nhau.

- + Về con chung: không có.
- + Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.
- + Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn về hôn nhân không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn vì giữa nguyên đơn và bị đơn không có mâu thuẫn trầm trọng.

Về tài sản chung: khi kết hôn bị đơn giao Nguyên đơn 2.500 USD và 1,5 cây vàng 9999, yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, giữa bị đơn và nguyên đơn có vay của cha mẹ bị đơn 60.000.000 đồng, yêu cầu Nguyên đơn cùng với bị đơn trả nợ 60.000.000 đồng cho cha, mẹ của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân H ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Minh T.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2018 nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân và được kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau tại địa chỉ khu phố P, phường C, thành phố T. Trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn. Bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận không còn sống chung với nhau tại địa chỉ khu phố P, phường C, thành phố T từ tháng 06 năm 2021 cho đến hiện nay. Xét thấy đời sống chung vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Tòa chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân H ly hôn với anh Phạm Minh T.

[2.2] Về con chung: Không có con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên xác định không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Bị đơn trình bày giao cho nguyên đơn 2.500 USD và 1,5 cây vàng 9999, yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn. Nhưng tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc giao các tài sản mà bị đơn nêu ra đối với nguyên đơn. Xét thấy nếu bị đơn thu thập được tài liệu, chứng cứ về việc giao tài sản cho nguyên đơn thì bị đơn được quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với nguyên đơn.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét. Bị đơn trình bày trong quá trình chung sống, giữa bị đơn và nguyên đơn có vay của cha mẹ bị đơn 60.000.000 đồng, yêu cầu Nguyên đơn cùng với bị đơn trả nợ 60.000.000 đồng cho cha, mẹ của bị đơn. Nhưng tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc bị đơn với nguyên đơn cùng vay của cha mẹ của bị đơn 60.000.000 đồng. Xét thấy nếu bị đơn thu thập tài liệu, chứng cứ giữa bị đơn và nguyên đơn có vay của cha mẹ bị đơn 60.000.000 đồng thì bị đơn được quyền khởi kiện dân sự khác về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với nguyên đơn.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: không có con chung nên không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Bị đơn thu thập tài liệu, chứng cứ tài liệu giao cho nguyên đơn 2.500 USD và 1,5 cây vàng 9999 với nguyên đơn; cũng như tài liệu chứng cứ liên quan đến nguyên đơn và bị đơn vay tiền của cha mẹ bị đơn 60.000.000 đồng thì bị đơn được quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với nguyên đơn.

- Về án phí: nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0009940, ngày 08 tháng 08 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã B, thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hưng